TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2020/HNGĐ.ST
Ngày: **27/5/2020**
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Thanh
2. Ông Nguyễn Văn Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 313/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST- HN ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn***:** Bà **Trương Ngọc Y**; sinh năm: 1988. Địa chỉ: 36C/9 Khu vực 5, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức H**; sinh năm: 1983. Địa chỉ: 36C/9 Khu vực 5, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 12/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là bà Trương Ngọc Y trình bày*:**

Bà và ông Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HT, quận C vào ngày 21/10/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn do ông H thường đi nhậu về thì đánh đập bà. Mâu thuẫn gay gắt nên bà đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở từ tháng 12/2019 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng gay gắt, không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Đức P (nam) sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Ngọc H (nữ) sinh ngày 24/9/2016, hiện 02 con đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Hiện tại bà làm công nhân Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lạc Tỷ II, thu nhập mỗi tháng hơn **5.000.000đ**.

Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết.

Đối với căn nhà số 36C/9 khu vực 5, phường HT là nhà và đất của mẹ bà đứng tên, mẹ bà cho vợ chồng ở chứ không cho luôn.

Về nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Đức H cho rằng: thừa nhận thời điểm kết hôn, quan hệ hôn nhân và con chung như bà Y trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi vợ ông đi làm ở Công ty Lạc Tỷ, khoảng cuối năm 2018, thì vợ ông bắt đầu lạnh nhạt với ông nên vợ chồng có cự cãi nhau. Đến cuối năm 2019, có lần ông về nhà bắt gặp người đàn ông khác đang ở trong nhà nên vợ chồng có mâu thuẫn nhau; tuy nhiên, ông không có đánh bà Y. Hiện tại, ông còn thương vợ con nên mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Đức P (nam) sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Ngọc H (nữ) sinh ngày 24/9/2016. Trước đây, khi vợ ông bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở thì 02 con do ông nuôi dưỡng; tuy nhiên, sau đó khoảng 20 ngày thì bà Y trở về nhà bắt hai con đi cho đến nay.

Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại ông làm nghề sửa máy ghe tàu, sửa chữa lưu động, tàu ai hư thì điện thoại ông đến sửa. Thu nhập mỗi tháng khoảng **8.000.000đ-10.000.000đ**.

Đối với căn nhà 36C/9 khu vực 5, phường HT, quận C là nhà của mẹ vợ cho vợ chồng ở riêng. Hiện tại, ông đang có hộ khẩu và đang ở đây, còn bà Y thì đang ở nhà trọ.

Trong lúc bà Y bỏ nhà đi thì ông vẫn cho con đi học đầy đủ, thỉnh thoảng ông đi làm xa thì Dì Sáu (Dì ruột của Y) ở kế nhà rước con về giùm. Cha mẹ ruột của ông hiện đang ở Quảng Ngãi.

Về tài sản chung: chưa có yêu cầu giải quyết.

Về nợ: không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết; về nợ: không có.

Bị đơn không đồng ý ly hôn; trường hợp tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cháu P, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: chưa có yêu cầu giải quyết; về nợ: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trương Ngọc Y và ông Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện; quá trình chung sống có thời gian hạnh phúc và đã có 02 con chung với nhau. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân, lẽ ra cả hai vợ chồng phải có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau P triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đỗ vở là điều tất yếu. Nay bà Y yêu cầu ly hôn, còn ông H cho rằng ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn; tuy nhiên, xét thấy, bà Y có ý chí kiên quyết ly hôn, còn ông H trong khoảng thời gian Tòa án thụ lý và giải quyết cho đến nay vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Y được ly hôn với ông H là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Có 02 con chung là Nguyễn Đức P (nam) sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Ngọc H (nữ) sinh ngày 24/9/2016, hiện do bà Y đang nuôi dưỡng.

Xét về điều kiện chăm sóc con, thu nhập của mỗi bên và điều kiện chỗ ở của bà Y, ông H sau khi ly hôn thì mỗi bên đều có khó khăn, hạn chế nhất định. Do đó, để tạo điều kiện chăm sóc con và giảm gánh nặng kinh tế cho nhau nhằm đảm bảo cho con P triển tốt về mặt tinh thần và điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con thì cần giao cho ông H, bà Y mỗi người nuôi 01 con; cụ thể, giao cháu Nguyễn Đức P cho ông H nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Ngọc H cho bà Y nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Do bà Y, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà Y và ông H theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung:* Không có yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Cả hai cho rằng không có nên không giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Y phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Trương Ngọc Y.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Cho bà Trương Ngọc Y được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

2. **Về con chung**: Có 02 con chung là Nguyễn Đức P (nam) sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Ngọc H (nữ) sinh ngày 24/9/2016.

Giao cháu Nguyễn Ngọc H cho bà Trương Ngọc Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà Trương Ngọc Y phải giao con là Nguyễn Đức P cho ông Nguyễn Đức H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Bà Y và ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho bà Y, ông H theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung**: Không có yêu cầu nên không giải quyết.

4. **Về nợ**: Cả hai xác định không có nên không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Bà Trương Ngọc Y phải chịu **300.000đ** án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp **300.000đ** theo biên lai số 005751 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà Y đã nộp xong án phí.

6. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang